



A member of MGI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét	5
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 25

205
HỒ CHÍ MINH
M. TH
M. B. A
I. E. T
* * *

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp in Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004. Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 2 lần, lần gần đây nhất là ngày 27/12/2012 với Mã số doanh nghiệp 0303171300.

Công ty đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu SAP kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (Nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Số 240 – Trần Bình Trọng – P.4 – Q.5 – Tp Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh là 26.100.000.000 đồng. Vốn góp thực tế ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2014 là 12.869.840.000 đ

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại, cung cấp các dịch vụ in ấn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Đỗ Thị Nhường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/11/2012; Bổ nhiệm lại 07/05/2014
Ông: Doãn Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2009; Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
Ông: Nguyễn Thiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2009; Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
Ông: Đỗ Hữu Cương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/05/2014
Bà: Đỗ Thị Thu Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/05/2014
Bà: Nguyễn Thị Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2009; Miễn nhiệm ngày 28/04/2014
Ông: Dương Quốc Thy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2014

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông: Nguyễn Thiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2012
Ông: Lê Chí Viện	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2012
Bà: Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07/02/2013

BAN KIỂM SOÁT

Ông: Vũ Đình Hải	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 08/05/2014
Ông: Trịnh Văn Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2014
Bà: Trần Thị Giang Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2014
Bà: Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2009; Miễn nhiệm ngày 28/04/2014
Ông: Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2009; Miễn nhiệm ngày 28/04/2014
Bà: Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2012; Miễn nhiệm ngày 28/04/2014

1074
GT
KHU
OAI
INH
NA
AN.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Theo Biên bản làm việc ngày 12/03/2013 và Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa NXBGD tại TP.HCM và Công ty CP In SGK TP.HCM. Hai bên thống nhất số tiền NXBGD tại Tp.HCM đã đầu tư vào dự án Cát Lái là 1.186.677.683 đồng được bảo lưu. Công ty có trách nhiệm chuyển nhượng lại cho dự án và hoàn lại cho NXBGD sau khi dự án được triển khai tiếp tục. Với mục đích sau này khi dự án được tiếp tục triển khai, công ty có nguồn chi trả NXBGD tại Tp.HCM theo đúng nội dung của biên bản làm việc và biên bản thanh lý nêu trên. Công ty kiểm toán và kế toán AAC cũng đã chấp thuận thông qua báo cáo tài chính năm 2013 với nội dung sau.

“ Chi phí đầu tư xây dựng là 1.186.677.683 đồng thuộc về trách nhiệm của NXBGD tại Tp.HCM theo cam kết ban đầu (trong đó chi phí xây dựng tường rào của dự án là 1.063.949.681 đồng, chi phí thiết kế là 122.728.002 đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, NXBGD tại Tp.HCM đã chuyển cho Công ty số tiền là: 1.186.677.683 đồng. Số tiền NXBGD tại Tp.HCM đã đầu tư vào dự án là: 1.186.677.683 đồng được thống nhất bảo lưu; Bên A có trách nhiệm chuyển nhượng lại cho Dự án và hoàn lại cho Bên B sau khi Dự án được triển khai tiếp tục”

CHỖ
HẠN
VÀ
GIÁ
VỊ
P.H.A

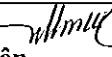
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 240 – Trần Bình Trọng – P.4 – Q.5 – TP Hồ Chí Minh

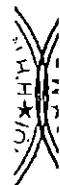
Ban Giám đốc công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Chữ ký Ban Giám đốc

Giám đốc 
Nguyễn Thiên
Tp Hồ Chí Minh, ngày 10/07/2014





Số : 515 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

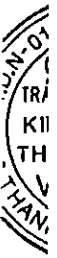
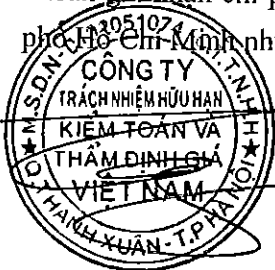
Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần In sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 10/07/2014 từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30/06/2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh : Chúng tôi cũng xin nhấn mạnh người đọc vấn đề được nêu liên quan đến khoản ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và công nợ phải trả NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh như đã nêu tại Thuyết minh số 12



Ths. Nguyễn Bảo Trung
Phó Giám đốc
Số Giấy Chứng nhận ĐKNH kiểm toán :
0373 - 2014 - 126 - 1

Mai Quang Hợp
Kiểm toán viên
Số Giấy Chứng nhận ĐKNH kiểm toán :
2050 - 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)
Hà Nội, Ngày 12 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	ĐVT: Đồng Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.345.690.279	9.118.225.382
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.050.866.881	613.254.968
111	1. Tiền		50.866.881	113.254.968
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	2.000.000.000	3.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.000.000.000	3.000.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu		5.711.778.112	5.104.889.633
131	1. Phải thu của khách hàng		4.420.667.950	4.499.975.418
132	2. Trả trước cho người bán			16.500.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ HDXD			
138	5. Các khoản phải thu khác	05	1.291.110.162	588.414.215
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho	06	576.259.286	387.294.781
141	1. Hàng tồn kho		576.259.286	387.294.781
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.786.000	12.786.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		6.786.000	12.786.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.472.719.840	8.070.075.158
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

1/20/0 HN M M IE /X

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
220	II. Tài sản cố định		2.306.330.269	2.778.006.703
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	1.119.652.586	1.591.329.020
222	- Nguyên giá		22.615.623.181	22.615.623.181
223	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)		(21.495.970.595)	(21.024.294.161)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	1.186.677.683	1.186.677.683
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)			
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.166.389.571	5.292.068.455
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	09	6.166.389.571	5.292.068.455
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.818.410.119	17.188.300.540

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.447.621.092	3.399.156.540
310	I. Nợ ngắn hạn		3.447.621.092	3.399.156.540
311	1. Vay và nợ ngắn hạn			
312	2. Phải trả người bán		534.888.427	694.285.077
313	3. Người mua trả tiền trước			
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	601.579.568	575.381.790
315	5. Phải trả công nhân viên		737.917.151	518.354.346
316	6. Chi phí phải trả	11	132.500.000	
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	1.554.335.396	1.701.934.777
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ Khen thưởng phúc lợi		(113.599.450)	(90.799.450)
	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn			
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.370.789.027	13.789.144.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	14.370.789.027	13.789.144.000
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12.869.840.000	12.869.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu ngân quỹ			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.093.848.666	1.093.848.666
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		76.950.378	76.950.378
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		330.149.983	(251.495.044)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.818.410.119	17.188.300.540

11/2/2014 10:20:11

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Tài sản thuê ngoài			
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
	4. Nợ khó đòi đã xử lý			
	5. Ngoại tệ các loại			
		USD		
		EUR		
	6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()



ll

Vũ Thị Nụ
Người lập biểu
TP Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 7 năm 2014

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Nguyễn Thị Ngọc Cúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thiên

Nguyễn Thiên
Giám đốc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
00	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	14	7.696.588.394	9.043.628.349
02	2. Các khoản giảm trừ			
02a	- Chiết khấu bán hàng			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ	15	7.696.588.394	9.043.628.349
11	4. Giá vốn hàng bán	16	5.592.075.769	6.484.690.042
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp d/vụ		2.104.512.625	2.558.938.307
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	120.983.342	211.563.360
22	7. Chi phí tài chính			
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
24	8. Chi phí bán hàng		170.846.794	202.677.577
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.209.498.553	1.581.075.645
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD			
31	11. Thu nhập khác		180.000.004	78.187.290
32	12. Chi phí khác		162.488.737	576
40	13. Lợi nhuận khác		17.511.267	78.186.714
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		862.661.887	1.064.935.159
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	162.216.860	159.648.510
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		700.445.027	905.286.649
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19		703

ML

Người lập biểu

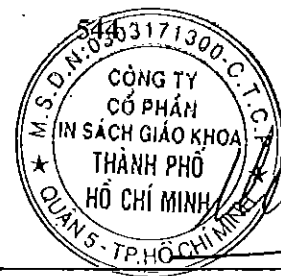
Vũ Thị Nụ

TP Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 7 năm 2014

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc



Giám đốc

Nguyễn Thiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

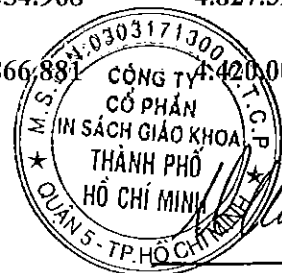
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Mã số CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	8.763.509.891	6.907.809.382
02 2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và	02	(3.091.852.385)	(2.550.798.532)
03 3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.051.097.315)	(3.144.686.662)
04 4. Tiền chi trả lãi vay	04		
05 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(130.066.347)	
06 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	80.700.336	80.206.923
07 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.306.482.276)	(658.045.885)
20 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(735.288.096)</i>	<i>634.485.226</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21 1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21		(34.100.000)
22 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		
23 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
24 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	
25 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
26 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	172.900.009	150.120.907
30 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>1.172.900.009</i>	<i>116.020.907</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
32 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		
33 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
36 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.157.826.375)
40 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(1.157.826.375)</i>
50 <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>437.611.913</i>	<i>(407.320.242)</i>
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	613.254.968	4.827.321.334
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.050.866.881	4.420.001.092

Me

Nguyễn Thị Ngọc Cúc



Vũ Thị Nụ

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Nguyễn Thiên

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 7 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp in Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004. Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 2 lần, lần gần đây nhất là ngày 27/12/2012 với Mã số doanh nghiệp 0303171300.

Công ty đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu SAP kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (Nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Số 240 – Trần Bình Trọng – P.4 – Q.5 – Tp Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh là 26.100.000.000 đồng. Vốn góp thực tế ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2014 là 12.869.840.000 đ

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;

- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;

- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy tính

2.3 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính – “ Hướng dẫn Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định, hướng dẫn về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	06 -10 năm
- Thiết bị quản lý	06 năm

2.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thuê đất tại Cát Lái

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí thù lao Hội đồng Quản trị, BKS, chi phí sửa chữa TSCĐ...

2.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của công ty, trong quá trình hoạt động, các nguồn quỹ này được quản lý và sử dụng theo điều lệ của công ty

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác góp vào liên quan đến các tài sản được góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.11 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

// 1/1/2014 10:00 AM

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

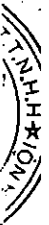
2.12 Các khoản thuế

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế TNDN áp dụng mức thuế suất 20% theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH 13 ngày 19/06/2013

Các loại thuế và phí khác theo quy định hiện hành



Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng Cân đối kế toán

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
03 . TIỀN		
Tiền mặt tại quỹ	36.589.032	33.321.344
Tiền gửi ngân hàng	14.277.849	79.933.624
Tương đương tiền	1.000.000.000	500.000.000
Cộng	1.050.866.881	613.254.968
04 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho Nhà Xuất bản Giáo dục vay (*)	2.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	3.000.000.000
(*) Cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/NXBGDVN - SAPCO ngày 27/02/2012 và các phụ lục hợp đồng. Lãi suất cho vay quy định cho từng thời kỳ và được điều chỉnh theo các Phụ lục Hợp đồng. Lãi suất áp dụng từ 01.01.2014 đến 30.06.2014 là 10,5%/năm. Thời hạn hợp đồng đáo hạn 30.06.2014		
05 . PHẢI THU KHÁC	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu Thuế TNCN	2.844.746	11.228.003
Phải thu lại Cổ tức năm 2013 của Cổ đông (*)	1.286.968.790	514.793.600
Phải thu lại Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát (**)		55.000.000
Phải thu khác	1.296.626	7.392.612
Cộng	1.291.110.162	588.414.215
06 . HÀNG TỒN KHO	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên vật liệu	532.826.272	328.007.538
CP SXKD dở dang	43.433.014	59.287.243
Cộng	576.259.286	387.294.781
07 . TĂNG GIẢM GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 01)		
08 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà máy in Sách Giáo Khoa tại Cát Lái (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Cộng	1.186.677.683	1.186.677.683
(*) Xem nội dung tại Thuyết minh số 12		
09 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	12.584.727	31.774.875
Chi phí thuê đất tại Cát Lái	6.153.804.844	5.260.293.580
Cộng	6.166.389.571	5.292.068.455

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính

Số 240 - Trần Bình Trọng-P.4-Q.5-Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	282.036.836	290.307.865
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	120.051.602	87.901.088
Thuế Thu nhập cá nhân	5.200.530	2.882.237
Thuế nhà, đất	194.290.600	194.290.600
Cộng	601.579.568	575.381.790
11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phụ cấp Hội đồng Quản trị 6 tháng đầu năm 2014	42.000.000	
Phụ cấp Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2014	17.500.000	
Chi phí sửa chữa máy thiết bị sản xuất	73.000.000	
Cộng	132.500.000	
12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	4.806.163	4.600.089
Kinh phí công đoàn	8.084.270	79.273.325
Bảo hiểm thất nghiệp	239.975	387.725
Phải trả Nhà XB Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Phải trả Nhà XB Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	72.755.381	72.755.381
Phải trả cổ tức (Cho Cổ đông Công ty CK SME)	1.314.225	1.314.225
Phải trả khác	280.457.699	356.926.349
Cộng	1.554.335.396	1.701.934.777

Công ty đang ghi nhận khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và tương ứng với khoản công nợ phải trả Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh là 1.186.677.683 đ. Đây là khoản dư nợ chi phí phải trả theo Biên bản Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (Số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008) giữa Công ty và Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh trong hoạt động góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại số B1, đường K1 trong KCN Cát Lái, Quận 2. Tuy nhiên, trong Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ghi rõ " Số tiền đã đầu tư vào dự án là (*) 1.181.677.683 được thống nhất bảo lưu. Bên A có trách nhiệm chuyển nhượng cho dự án và hoàn trả lại cho Bên B khi dự án được tiếp tục triển khai ". Theo ý kiến chúng tôi, ở thời điểm hiện tại việc ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản nợ phải trả Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên chưa phù hợp với nội dung của Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh và Công ty chưa có đủ chứng từ hồ sơ hợp lý liên quan đến việc ghi nhận khoản chi phí đầu tư này và công nợ phải trả tương ứng cho Bên B

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (XEM PHỤ LỤC SỐ 02)

13.1 Chi tiết biến động Vốn chủ sở hữu (Xem Phụ lục số 02)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết Cổ đông	Tại ngày 30/06/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị
Công ty TNHH MTV NXB				
Giáo dục Việt Nam	32%	4.151.700.000	32%	4.151.700.000
Các cổ đông khác	68%	8.718.140.000	68%	8.718.140.000
Cộng	100%	12.869.840.000	100%	12.869.840.000

01/01/2014
 TRÁI KIẾP HÁ
 V/WH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính

Số 240 - Trần Bình Trọng-P.4-Q.5-Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

	30/06/2014	01/01/2014
13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.	VND	VND
a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại ngày 01.01.2014	12.869.840.000	12.869.840.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp tại ngày 30.06.2014	12.869.840.000	12.869.840.000
13.4 Cổ phiếu	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	1.286.984	1.286.984
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.286.984	1.286.984
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.286.984	1.286.984
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
13.5 Các quỹ của Doanh nghiệp	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ Đầu tư phát triển	1.093.848.666	1.093.848.666
Quỹ Dự phòng tài chính	76.950.378	76.950.378
Cộng	1.170.799.044	1.170.799.044
14 . DOANH THU	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động in ấn	7.546.849.494	9.043.628.349
Doanh thu hoạt động khác	149.738.900	
Cộng	7.696.588.394	9.043.628.349
15 . DOANH THU THUẦN	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu thuần hoạt động in ấn	7.546.849.494	9.043.628.349
Doanh thu thuần hoạt động khác	149.738.900	
Cộng	7.696.588.394	9.043.628.349
16 . GIÁ VỐN	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động in ấn	5.592.075.769	6.484.690.042
Cộng	5.592.075.769	6.484.690.042
17 . DOANH THU TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.983.342	211.563.360
Cộng	120.983.342	211.563.360

051
ĐNK
NHIỆ
T C
ĐỊ
T I
U A

18 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tổng thu nhập trước thuế (1)	862.661.887	1.064.935.159
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính (1.1)	724.167.278	775.185.085
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác (1.2)	138.494.609	289.750.074
Các khoản điều chỉnh tăng(2)	84.724.616	96.924.835
Chi phí không được trừ	84.724.616	96.924.835
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	136.302.200	
Lỗi năm trước chuyển sang	136.302.200	
Tổng thu nhập chịu thuế (4)	811.084.303	1.161.859.994
Hoạt động kinh doanh chính (4.1 = 1.1 + 2 - 3)	672.589.694	872.109.920
Hoạt động kinh doanh khác (4.2)	138.494.609	289.750.074
Thuế TNDN phải nộp (5)	162.216.860	159.648.511
Hoạt động KD chính (5.1) - Thuế suất 20%	134.517.938	87.210.992
Hoạt động KD khác (5.2) - Thuế suất 20%	27.698.922	72.437.519
Thuế TNDN phải nộp	162.216.860	159.648.511

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	700.445.027	905.286.649
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	700.445.027	905.286.649
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	544	703

20 . CHI PHÍ SX KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.314.210.444	1.459.453.250
Chi phí nhân công	3.767.127.113	4.172.378.467
Chi phí khấu hao	471.676.434	480.297.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.791.714	1.304.234.287
Chi phí bằng tiền khác	888.345.712	879.938.656
Cộng	7.016.151.417	8.296.301.828

74-C
TY
HỮU H
IN V.
H GI
AM
T.P.

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền	50.866.881	613.254.968
Phải thu khách hàng	4.420.667.950	4.499.975.418
Phải thu khác	1.291.110.162	588.414.215
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	7.762.644.993	8.701.644.601
Công nợ tài chính	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người bán	534.888.427	694.285.077
Phải trả khác	1.541.204.988	1.617.673.638
Chi phí phải trả	132.500.000	
Cộng	2.208.593.415	2.311.958.715

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đã được nêu tại các thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường(gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo có đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả.

Chỉ tiêu	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán	694.285.077			694.285.077
Chi phí phải trả				
Phải trả, phải nộp khác	1.617.673.638			1.617.673.638
Cộng	2.311.958.715			2.311.958.715
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán	534.888.427			534.888.427
Chi phí phải trả	132.500.000			132.500.000
Phải trả, phải nộp khác	1.541.204.988			1.541.204.988
Cộng	2.208.593.415			2.208.593.415

22 . THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

22.1 Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV XNB Giáo Dục Việt Nam	Công ty Đầu tư
NXB Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty Đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty Đầu tư
Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty Đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty Đầu tư

22.2 Giao dịch với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Gia công in ấn(Bao gồm cả VAT) NXB Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ in	6.388.458.598	7.919.421.068
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Dịch vụ in	1.565.362.619	1.450.381.070
Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Dịch vụ in	6.627.960	33.285.560
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Dịch vụ in	131.698.324	350.033.220
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Miền Bắc	Dịch vụ in	89.701.243	
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục TP Hồ Chí Minh	Dịch vụ in	19.813.416	
Lãi cho vay Công ty TNHH MTV XNB Giáo Dục Việt Nam	Lãi cho vay	105.583.332	180.958.334
Hoạt động khác Công ty TNHH MTV XNB Giáo Dục Việt Nam	Hoạt động khác	78.500.000	

22.3 Số dư với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
a) Công nợ phải thu NXB Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	In ấn	3.552.452.854	2.813.870.867
	Gốc vay		3.000.000.000
	Lãi vay		119.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	In ấn	556.118.780	
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục TP Hồ Chí Minh	In ấn	19.813.416	
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	In ấn	31.698.324	
Công ty TNHH MTV XNB Giáo Dục Việt Nam	In ấn	35.583.333	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Miền Bắc	In ấn	89.701.243	
b) Công nợ phải trả NXB Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Khác	1.259.433.064	1.058.384.562

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2013, số liệu so sánh cho Báo cáo Kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



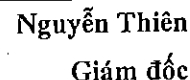
Vũ Thị Nụ
Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 7 năm 2014



Nguyễn Thị Ngọc Cúc
Kế toán trưởng




Nguyễn Thiên
Giám đốc

11/07/2014 31/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH
Số 240 - Trần Bình Trọng-P.4-Q.5-Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

PHỤ LỤC SỐ 01

04. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

		<i>Đơn vị tính: VND</i>					
TT	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, quản lý	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng tài sản cố định hữu hình
I	Nguyên giá TSCĐ						
1	Số dư tại ngày 01/01/2014	1.707.961.422	20.876.136.759		31.525.000		22.615.623.181
2	Tăng trong kỳ						
	- Do mua sắm						
3	Giảm trong kỳ						
	- Giảm khác						
4	Số dư tại ngày 30/06/2014	1.707.961.422	20.876.136.759		31.525.000		22.615.623.181
II	Hao mòn TSCĐ						
1	Số dư tại ngày 01/01/2014	1.263.213.831	19.729.555.330		31.525.000		21.024.294.161
2	Tăng trong kỳ	21.883.062	449.793.372				471.676.434
	- Do trích khấu hao TSCĐ	21.883.062	449.793.372				471.676.434
3	Giảm trong kỳ						
	- Giảm khác						
4	Số dư tại ngày 30/06/2014	1.285.096.893	20.179.348.702		31.525.000		21.495.970.595
III	Giá trị còn lại						
1	Số dư tại ngày 01/01/2014	444.747.591	1.146.581.429				1.591.329.020
2	Số dư tại ngày 30/06/2014	422.864.529	696.788.057				1.119.652.586
<i>Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30.06.2014</i>							
		918.944.338	13.026.687.863		31.525.000		13.977.157.201
<i>Không có tài sản hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30.06.2014</i>							

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH
Số 240 - Trần Bình Trọng-P.4-Q.5-Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

PHỤ LỤC SỐ 02 - BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý Dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Năm trước					
1. Số dư đầu năm trước	12.869.840.000	1.462.373.784	76.950.378	1.095.225.504	15.504.389.666
2. Số tăng trong năm					
- Tăng do lãi					
- Tăng khác		368.525.118		1.346.720.548	1.715.245.666
3. Số giảm trong năm					
- Giảm do lỗ		368.525.118		460.377.374	460.377.374
- Giảm khác		1.093.848.666	76.950.378	(251.495.044)	1.254.868.292
4. Số cuối năm trước	12.869.840.000	1.093.848.666	76.950.378	(251.495.044)	13.789.144.000
Kỳ này					
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	12.869.840.000	1.093.848.666	76.950.378	(251.495.044)	13.789.144.000
2. Số tăng trong kỳ					
- Tăng vốn				700.445.027	700.445.027
- Tăng do lãi					
- Tăng khác				700.445.027	700.445.027
3. Số giảm trong kỳ					
- Giảm khác (*)				118.800.000	118.800.000
- Giảm do lỗ				118.800.000	118.800.000
4. Số dư tại ngày 30/06/2014	12.869.840.000	1.093.848.666	76.950.378	330.149.983	14.370.789.027

(*) Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trừ vào Lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại Hội Cổ đông

